TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH A** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/DS-ST
Ngày: 20 – 5 -2022
V/v: Tranh chấp
hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Á

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Út
2. Ông Hồ Thanh Trí

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Huỳnh Hoàng Tuấn– Là thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Tân – Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2022/TLST-DS ngày 25 tháng 02 năm 2021 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2022/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Thị N

Địa chỉ: Ấp A đường Phan Đình Phùng, Khu Phố 10, phường Liên Nghĩa, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị H

Địa chỉ: Ấp T, thị trấn C, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. (Vắng mặt)

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị B

Địa chỉ: Ấp T, thị trấn C, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. (Vắng mặt)

3. Người làm chứng: Thạch Thị D

Địa chỉ: Ấp T, thị trấn C, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Năm 2018, bà Nguyễn Thị N có cho bà Nguyễn Thị B vay mượn nhiều lần tổng số tiền 15.000.000đồng, không thỏa thuận lãi suất, không thỏa thuận thời gian trả, khi vay có lập biên nhận. Sau khi hòa giải tại thị trấn C bà B hứa mỗi tháng sẽ trả 1.000.000 đồng, tính đến ngày

khởi kiện bà B đã trả được số tiền nợ gốc là 5.800.000 đồng và từ đó đến nay chưa trả thêm khoản nợ nào cho bà N. Mặc dù, bà N đã nhiều lần nhắc nhở nhưng bà B vẫn không trả nợ như cam kết. Nay bà N yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị B phải trả số nợ gốc 9.200.000 đồng, không yêu cầu lãi suất.

Quá trình tố tụng bị đơn bà Nguyễn Thị B trình bày tại biên bản lấy khai ngày 12/01/2022: Bà thống nhất có vay số tiền 15.000.000đồng của bà Nguyễn Thị N, đã trả được 5.800.000 đồng còn nợ lại 9.200.000 đồng, bà Thạch Thị D có nợ bà số tiền 9.000.000 đồng. Giữa bà, bà N và bà D có thỏa thuận, bà D trả mỗi tháng 500.000đồng cho bà N cho đến khi đủ số tiền 9.000.000 đồng thì bà sẽ không phải trả cho bà Nghĩa. Nay bà N khởi kiện bà, bà không đồng ý, bà yêu cầu Tòa án buộc bà D trả tiền nêu trên cho bà N.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định pháp luật.

Đối với người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn vắng mặt nhưng có yêu cầu xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử vắng mặt là phù hợp. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí dân sự bị đơn phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/02/2021, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lại phần tiền vay là 15.000.000 đồng. Xét đây là quan hệ pháp luật "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang nên theo quy định tại Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

[2] Xét về thủ tục tố tụng: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng có yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy đã có lời khai rõ ràng nên căn cứ vào Điều 228, Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt họ là có căn cứ pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cho rằng có cho bị đơn bà Nguyễn Thị B có vay nhiều lần tổng số tiền 15.000.000 đồng, có viết biên nhận, không thỏa thuận lãi suất, không thỏa thuận thời hạn trả. Tính đến nay bà B đã trả được số tiền 5.800.000 đồng và từ đó cho đến nay không trả nữa.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Việc bà Nguyễn Thị B vay tiền của bà Nguyễn Thị N được bà B thừa nhận tại biên bản lấy khai ngày 12/01/2022 và biên bản hòa giải tại thị trấn C ngày 09/8/2019. Các đã bên thống nhất số nợ vay, số tiền đã thanh toán và số tiền còn nợ. Phía bà B cho rằng bà N đã yêu cầu bà D trả nợ thay mình nên bà không còn nghĩa vụ gì đối với bà N. Vì vậy, bà không đồng ý trả số tiền 9.200.000 đồng cho bà N. Hội đồng xét xử xét thấy việc bà B cho bà D vay tiền là một giao dịch dân sự khác, không liên quan gì đến việc vay tiền giữa bà N và bà B. Mặt khác, phía bà N không đồng ý việc cấn trừ nghĩa vụ giữa bà B và bà D nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị B. Do đó, bà Nguyễn Thị B phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị N số tiền nợ còn lại là 9.200.000 đồng (Chín triệu hai trăm nghìn đồng).

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí. Cụ thể án phí bị đơn phải chịu là 460.000 đồng.

[5] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 228, Điều 229, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 166 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N. Buộc bà Nguyễn Thị B có nghĩa vụ trả lại bà Nguyễn Thị N số tiền 9.200.000 đồng (Bằng chữ: Chín triệu hai trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn bà Nguyễn Thị N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn bà Nguyễn Thị B chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị B phải chịu 460.000đồng. Bà Nguyễn Thị N được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai

thu số 0007442 ngày 25/02/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định tại nơi cư trú.

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện CTA;
- VKSND huyện CTA;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Thị Mỹ Á